

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO THẠC SỸ (THEO TÍN CHỈ)
Chuyên ngành: *NGÔN NGỮ HỌC (LINGUISTICS)*
MÃ SỐ: 60 22 01
Ngành: *NGÔN NGỮ HỌC (LINGUISTICS)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo:

- Tên chuyên ngành: Ngôn ngữ học (Linguistics)
- Mã số: 60 22 01
- Tên ngành: Ngôn ngữ học (Linguistics)
- Bậc đào tạo: Thạc sỹ
- Tên văn bằng: Thạc sỹ Ngôn ngữ học (Master in linguistics)
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Đối tượng dự thi và các môn thi tuyển:

2.1. Đối tượng được đăng kí dự thi:

a. Điều kiện văn bằng

Theo QĐ số 02/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy chế tuyển sinh sau đại học” và QĐ số 15/ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2004 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về “Quy chế đào tạo sau đại

học ở Đại học Quốc gia Hà Nội” những đối tượng có văn bằng sau đây được thi tuyển:

+ Người có bằng tốt nghiệp Đại học đúng ngành và phù hợp với ngành: *Ngôn ngữ học, Ngữ văn* (chuyên ngành Ngôn ngữ học).

Trường hợp có bằng Đại học Ngôn ngữ học đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của 02 Quyết định nói trên có thể được chuyển tiếp sinh không qua thi tuyển.

+ Người có bằng tốt nghiệp Đại học chính quy ngành gần với ngành *Ngôn ngữ học* (Ví dụ: *Văn học, Ngữ văn, Hán Nôm, Ngoại ngữ, Văn hoá học, Báo chí, Nhân học, Đông phương học* v.v.) khi chương trình học “khác nhau từ 20% – 50% nội dung và khối lượng học tập”. Những trường hợp này phải học *Bổ túc kiến thức* để có trình độ tương đương với Đại học ngành dự thi.

b. Thâm niên công tác:

+ Có bằng Đại học đúng hoặc phù hợp với ngành dự thi từ loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Những trường hợp còn lại phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc.

2.2. Các môn thi đầu vào:

a. Môn cơ bản: Ngôn ngữ học Đại cương.

b. Môn cơ sở: Cơ sở Việt ngữ học.

c. Môn ngoại ngữ: Trình độ B một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung. Những người có bằng Đại học ngoại ngữ chính quy hoặc đã học Đại học ở những nước thuộc năm thứ tiếng nói trên sẽ được miễn thi môn ngoại ngữ.

PHẦN II – KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo:

* *Mục tiêu chung:* Trang bị cho học viên trình độ học vấn ngôn ngữ học đa dạng và vững vàng, có khả năng giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn trong địa hạt chuyên môn của mình.

** Các mục tiêu cụ thể*

a- Về kiến thức:

- Cung cấp kiến thức ngôn ngữ học cơ sở ở bậc cao, hoặc chưa được dạy ở chương trình Cử nhân. Đồng thời, cung cấp những kiến thức văn hoá xã hội có liên quan đến ngôn ngữ học.

- Cung cấp kiến thức ngôn ngữ học theo chuyên ngành hẹp nhằm hướng nghiệp cho những định hướng chuyên môn cụ thể phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

b- Về kĩ năng:

- Cung cấp phương pháp xử lý ngôn ngữ học, các kỹ năng thực hành trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản nhằm rèn luyện nghiệp vụ nghiên cứu khoa học để học viên có khả năng thích nghi với các công việc có liên quan đến nghiệp vụ ngôn ngữ học trong thực tiễn hoặc có liên quan đến những khoa học khác nhau thuộc khối xã hội nhân văn.

- Tạo cơ sở chuyên môn để học viên có thể học tiếp chương trình Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học và các ngành học khác thuộc khối khoa học xã hội nhân văn.

c- Về năng lực:

- Các học viên cao học tốt nghiệp Thạc sĩ Ngôn ngữ học theo khung chương trình này có thể thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngữ học trong nhiều địa hạt: Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Ngoại ngữ, Ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc Việt Nam, Ngôn ngữ khu vực, dạy tiếng, biên tập báo chí, xuất bản và truyền thông, tin học ứng dụng, giảng dạy văn học và tiếng Việt, giảng dạy và nghiên cứu văn hoá ở các trường trung học, các trường Sư phạm, các trường nghiệp vụ văn hoá nghệ thuật và các trường Đại học.

- Các học viên cao học tốt nghiệp Thạc sĩ Ngôn ngữ học theo khung chương trình này cũng có thể thực hiện các nghiệp vụ nghiên cứu ngôn ngữ học, nhân học xã hội v.v ở các Viện nghiên cứu chuyên ngành.

d- Về nghiên cứu:

Các học viên cao học tốt nghiệp Thạc sỹ Ngôn ngữ học theo khung chương trình này có thể tham gia nghiên cứu ngữ học ở những chuyên ngành Lý luận ngôn ngữ, Ngôn ngữ học ứng dụng, so sánh đối chiếu, so sánh - lịch sử, Việt ngữ học, Ngôn ngữ và văn hoá, Nhân học xã hội, Ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Đông Nam Á.

2. Nội dung đào tạo:

2.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số đơn vị học trình phải tích lũy là **60 tín chỉ**, trong đó gồm:

- a, Khối kiến thức chung (bắt buộc): **11 tín chỉ** (gồm môn Ngoại ngữ 07 tín chỉ, môn Triết học 04 tín chỉ).
- b, Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **36 tín chỉ**, gồm:
 - + Phần bắt buộc: **24 tín chỉ**
 - + Phần tự chọn: **12 tín chỉ** (lựa chọn trong số 40 tín chỉ)
- c, Luận văn tốt nghiệp: **13 tín chỉ**.

2.2. Khung chương trình

Thứ tự	Mã môn học	Tên môn học (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ TS (LL/ThH/TH)*	Số tiết học TS (LL/ThH/TH)**	Mã số môn tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I		Khởi kiến thức chung	11			
1	MG01	Triết học (Philosophy)	04	60(60/0/0)	180(60/0/120)	
2	MG02	Ngoại ngữ (Foreign language for general purposes)	04	60(30/30/0)	180(30/60/90)	
3	MG03	Ngoại ngữ chuyên ngành (Foreign language for specific purposes)	03	45(15/15/15)	135(15/30/90)	
II		Khởi kiến thức chuyên ngành	36			
		II.1. Các môn học bắt buộc	24			
4	MN01B	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ (Methodology and research method of linguistics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
5	MN02B	Các phương pháp của ngữ nghĩa học (Research methods of semantics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
6	MN03B	Các phương pháp phân tích ngữ pháp (Methods of grammatical analysis)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
7	MN04B	Phương pháp nghiên cứu so sánh - lịch sử (Method of historical comparative linguistics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
8	MN05B	Những vấn đề hiện đại của Ngôn ngữ học xã hội (Current issues of sociolinguistics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
9	MN06B	Một số vấn đề về loại hình học và phổ niệm ngôn ngữ (Topics in linguistic typology and universals)	2	30(20/6/4)	90(20/12/58)	
10	MN07B	Các phương pháp của ngữ âm học và âm vị học (Methods of phonetics and phonology)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
11	MN08B	Một số vấn đề hiện đại của Ngữ dụng học (Some current issues of Pragmatics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
12	MN09B	Ngôn ngữ nghệ thuật dưới góc độ ngôn ngữ học (Studying poetry language from the linguistic view)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	
13	MN10B	Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời (Some topics on the grammar and semantics of utterances)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)	MN01B

14	MN11B	Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của câu (Some topics on the grammar and semantics of sentences)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
15	MN12B	Lí thuyết về phân tích diễn ngôn (Theory of discourse analysis)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
		II.2. Các môn học lựa chọn	12/40		
16	MN01C	Phân tích đối chiếu liên ngôn ngữ và liên văn hoá (Cross-linguistic and cross-cultural contrastive analysis)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
17	MN02C	Quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy (Language and mind)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
18	MN03C	Đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ (Cultural and national characteristics of language)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
19	MN04C	Một số vấn đề hiện nay về ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam (Some current issues on the languages and cultures of ethnic minorities in Vietnam)	2	30(18/12/0)	90(18/24/48)
20	MN05C	Những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á (Studying the languages and cultures of ethnic minorities in Southeast Asia)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
21	MN06C	Một số vấn đề về chữ Nôm (Some issues of the Nom scripts)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
22	MN07C	Lịch sử ngôn ngữ học ở Việt Nam (History of linguistics in Vietnam)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
23	MN08C	Câu tạo từ tiếng Việt: Bình diện đồng đại và lịch đại (The formation of Vietnamese words from synchronical and diachronical views)	2	30(25/0/0)	90(25/0/65)
24	MN09C	Cú pháp Mĩ: từ Bloomfield đến Chomsky (Syntactic theory in the United States: from Bloomfield to Chomsky)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
25	MN10C	Đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá một số nước Đông Á (Linguistic and cultural characteristics of some East Asia countries)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
26	MN11C	Lí thuyết cấu trúc thông tin của câu (Information structure of sentences)	2	30(20/6/4)	90(20/12/58)
27	MN12C	Phong cách học văn bản (Text stylistics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)

28	MN13C	Một số vấn đề thời sự của Ngôn ngữ học tri nhận (Some current issues in cognitive linguistics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
29	MN14C	Một số vấn đề hiện đại của Ngôn ngữ học nhân học (Some current issues of anthropological linguistics)	2	30(20/6/4)	90(20/12/58)
30	MN15C	Thảo luận về những chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ trên địa bàn dân tộc thiểu số Việt Nam (Seminar on the language policy and language education for ethnic minorities in Vietnam)	2	30(16/14/0)	90(16/28/46)
31	MN16N	Đặc trưng ngôn ngữ trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt (Linguistic characteristics of Vietnamese idioms and proverbs)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
32	MN17N	Thảo luận những nội dung cơ bản của ngữ âm tiếng Việt (Seminar on basic topics of Vietnamese phonetics)	2	30(16/14/0)	90(16/28/46)
33	MN18N	Những vấn đề cơ bản về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (Some basic issues of Vietnamese lexical semantics)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
34	MN19N	Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt (Some basic issues of Vietnamese grammar)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
35	MN20N	Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ văn học Việt Nam (Literary language and Vietnamese literary language)	2	30(20/10/0)	90(20/20/50)
III	Luận văn		13		
	Tổng cộng		60		

Ghi chú: (*) Tổng số giờ tín chỉ (lên lớp / thực hành / tự học)

(**) Tổng số tiết học (lên lớp / thực hành / tự học)

2.3. Danh mục tài liệu tham khảo.

Thứ tự	Mã môn học	Tên môn học (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc, Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

1.	MN01B	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ (Methodology and research method of linguistics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Mác - Ănggen - Lênin (1963), <i>Bàn về ngôn ngữ</i>, Nxb Sự thật, Hà Nội.</p> <p>2- F. de Saussure (2005), <i>Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>3- Z. S. Harris (2001), <i>Các phương pháp của ngôn ngữ học cấu trúc</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. F. Anggen (1993), <i>Phép biện chứng của tự nhiên</i>, Nxb Sự thật, Hà Nội.</p> <p>2. Lưu Nhuận Thanh (2004), <i>Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây</i>, Nxb Lao động, Hà Nội.</p> <p>3. Nguyễn Thiện Giáp (2006), <i>Những lĩnh vực ứng dụng của Việt ngữ học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p>
2.	MN02B	Các phương pháp của ngữ nghĩa học (Research methods of semantics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lê Quang Thiêm (2006), <i>Ngữ nghĩa học</i> (Tập bài giảng dẫn nhập cơ sở), Giáo trình đã nghiệm thu, đang in ở Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Đỗ Hữu Châu (1987), <i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i>, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội.</p> <p>3- Lê Quang Thiêm (2006), <i>Về khuyhnh hướng ngữ nghĩa học tri nhận</i>, Ngôn ngữ, N^o 11, tr. 6-19.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Cliff Godlard (1998), <i>Semantic Analysis</i>, Oxford University Press.</p> <p>2- Alan Cruse (2000), <i>Meaning in language</i>, Oxford University Press.</p>
3.	MN03B	Các phương pháp phân tích ngữ pháp (Methods of grammatical analysis)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>(đọc phân phân tích ngữ pháp trong các tài liệu dưới đây)</p> <p>1- John Lyons (1997, 1998), <i>Nhập môn Ngôn ngữ học lý thuyết</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Lưu Nhuận Thanh (2005), <i>Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây</i>, Nxb Lao Động.</p> <p>3- Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (2001), <i>Đại cương ngôn ngữ học</i>, tập 2, Nxb Giáo dục.</p> <p>4- Yule (2001), <i>Phân tích diễn ngôn</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>5- Cadière (1958), <i>Phân tích cú pháp tiếng Việt</i>, Paris (bản dịch của trường Viễn Đông Bác Cổ).</p> <p>6- Cao Xuân Hạo (2005), <i>Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>7- Chomsky (1957), <i>Cấu trúc cú pháp</i>, Nxb Hague Mouton.</p> <p>8- Chomsky (1965), <i>Các bình diện cú pháp tiếng Anh</i>, Cambridge, MIT Press.</p> <p>9- Dick (1989, 2006), <i>Lí thuyết ngữ pháp chức năng</i>, bản dịch của Nxb ĐHSP</p>

4.	MN04B	Phương pháp nghiên cứu so sánh - lịch sử. (Method of historical comparative linguistics)	2	<p>Tp.HCM. 10- Nguyễn Tài Cẩn (1975, 1998), <i>Ngữ pháp tiếng Việt: tiếng - từ ghép - đoàn ngữ</i>, Nxb ĐHQGHN. b, Tài liệu tham khảo thêm: 1- R. H. Robins (2003), <i>Lược sử ngôn ngữ học</i>, Nxb ĐHQGHN. 2- Kasevich (1998), <i>Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc: 1- Haudricourt A. G. (1954), <i>Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N⁰ 1/1991, tr. 23 -31. 2- Haudricourt A. G. (1972), <i>Problèmes de phonologie diachronique</i>, CNRS Paris, 392pp. 3- Ferlus M. (1981), <i>Sự biến hoá của các âm tắc giữa (obstruentes mediales) trong tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N⁰ 2, tr. 1 - 22. 4- Trần Trí Dõi (2006), <i>Những đóng góp chính của F.de Saussure cho ngôn ngữ học so sánh - lịch sử thế kỷ XX</i>, Ngôn ngữ N⁰ 11, tr. 1 - 5.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm: 1- Nguyễn Tài Cẩn (2000), <i>Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt</i>, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội 1989; Tái bản Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 354tr. 2- Nguyễn Tài Cẩn (1995), <i>Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (Sơ thảo)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 348tr. 3- Trần Trí Dõi (2006), <i>Thử giải thích hiện tượng có năm thanh điệu trong một vài phương ngữ Việt</i>, Ngôn ngữ N⁰ 8, tr. 13 - 21. 4- Raimo A. (1989), <i>Historical and Comparative Linguistics</i>, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/ Philadelphia, 465pp. 5- Li Fang Kuei (Lý Phương Quê) (1977), <i>A handbook of Comparative Tai</i>, The University Press Hawaii, 389pp.</p>
5.	MN05B	Những vấn đề hiện đại của Ngôn ngữ học xã hội (Current issues of sociolinguistics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Văn Khang (2005), <i>Những vấn đề cấp bách trong nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội ở Việt Nam hiện nay</i>, <i>Việt ngữ học dưới ánh sáng các lý thuyết hiện đại</i>, Nxb KHXH. 2- Nguyễn Văn Khang (2006), <i>Một số vấn đề về cái chết của ngôn ngữ trong thời đại hiện nay</i>, Ngôn ngữ N⁰ 8. 3- Nguyễn Văn Khang (2005), <i>Đồ thị hóa với vấn đề sử dụng ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay</i>, Xã hội học N⁰ 4.</p>

				<p>4- Nguyễn Văn Khang (2007), <i>Mối quan hệ giữa ngôn ngữ học xã hội với phương ngữ học trong tiếp cận phương ngữ với tư cách là đối tượng nghiên cứu</i>, Ngôn ngữ.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Văn Khang (2003, 2005), <i>Kế hoạch hóa ngôn ngữ - Ngôn ngữ học xã hội vì mô</i>, Nxb KHXH.</p> <p>2- Nhiều tác giả (2006), <i>Ngôn ngữ văn hóa và xã hội – Một cách tiếp cận liên ngành</i> (Tuyển tập dịch), Nxb Thế giới.</p> <p>3- Nguyễn Văn Khang (2007), <i>Từ ngoại lai trong tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục.</p>
6.	MN06B	<p>Một số vấn đề về loại hình học và phổ niệm ngôn ngữ (Topics in linguistic typology and universals)</p>	2	<p>a, Tài liệu tham khảo bắt buộc:</p> <p>1- Stankievich N.V (1982), <i>Loại hình các ngôn ngữ</i>, Nxb ĐH&THCN.</p> <p>2- Comrie B. (1999), <i>Language Universals and Linguistic Typology</i>, 2nd edition, University of Chicago Press.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Shibatani M. & Bynon Th. (1999), <i>Approaches in Language Typology</i>, Oxford University Press.</p> <p>2- Jae Jung Song (2001), <i>Linguistics Typology: Morphology and Syntax</i>. Pearson Education Limited.</p>
7.	MN07B	<p>Các phương pháp của ngữ âm học và âm vị học (Methods of phonetics and phonology)</p>	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Л.ЗИНДЕР. (1964, 1972), <i>ОБЩАЯ ФОНЕТИКА</i>. ЛЕИИ, Bản dịch tiếng Việt, <i>Ngữ âm học đại cương</i>, Hà Nội.</p> <p>2- Đoàn Thiện Thuật (1978), <i>Ngữ âm tiếng Việt</i>, Hà Nội.</p> <p>3- N.S.Trubetzkoy (1939), <i>Grundzüge der Phonology</i>, TCLP 7, Bản dịch tiếng Anh C. Baltaxe (1969), <i>Principles of Phonology</i>. Univ. of California Press. Bản dịch tiếng Việt. nd. <i>Cơ sở âm vị học</i> (Viện Ngôn ngữ học).</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- J. C. Catford (1994), <i>A Practical Introduction to Phonetics</i>, Clarendon Press.</p> <p>2- Cao Xuân Hạo (2001), <i>Âm vị học và tuyên tình: Suy nghĩ về các định đề của âm vị học đương đại</i>, Hà Nội.</p> <p>3- N. Chomsky, M. Halle (1968), <i>The Sound Patern of English</i>, New York.</p> <p>4- M. Kenstowicz (1995), <i>Phonology in Generative Grammar</i>, Blackwell.</p>
8.	MN08B	<p>Một số vấn đề hiện đại của Ngữ dụng học (Some current issues of Pragmatics)</p>	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đỗ Hữu Châu (2003), <i>Cơ sở ngữ dụng học</i>, tập 1, Nxb ĐHSP.</p> <p>2- Đỗ Hữu Châu (2001), <i>Đại cương ngôn ngữ học</i>, tập 2, Nxb Giáo dục.</p> <p>3- John Lyons (1974), <i>Ngữ nghĩa học dẫn luận - Nguyễn Văn Hiệp dịch</i> (2006), Nxb</p>

9.	MN09B	Ngôn ngữ nghệ thuật dưới góc độ ngôn ngữ học (Studying poetry language from the linguistic view)	2	<p>Giáo dục.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Đức Dân (1998), <i>Ngữ dụng học</i>, tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Đỗ Thị Kim Liên (2005), <i>Giáo trình Ngữ dụng học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Hữu Đạt (2000), <i>Ngôn ngữ thơ Việt Nam</i>, Nxb KHXH.</p> <p>2- Hữu Đạt (2001), <i>Phong cách học tiếng Việt hiện đại</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>3- Lotman (2004), <i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Văn Tuệ Quang (2000), <i>Về một cách tiếp cận tác phẩm văn học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>2- Hữu Đạt (1997), <i>Nhà văn, sự sáng tạo nghệ thuật</i>, Nxb Hội nhà văn.</p> <p>3- Hữu Đạt (2007), <i>Nghĩa biểu vật, biểu niệm của từ và việc phân tích nó trong quá trình tiếp cận hình tượng thơ</i>, Tập chí khoa học ĐHQGHN N^o 1.</p> <p>4- Trần Đình Sử (2003), <i>Thi pháp truyện Kiều</i>, Nxb Giáo dục.</p>
10.	MN10B	Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời (Some topics on the grammar and semantics of utterances)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đỗ Hữu Châu (2001), <i>Ngôn ngữ học Đại cương</i>, tập 2, <i>Ngữ dụng học</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Đào Thanh Lan (2006), <i>Hoạt động và ý nghĩa của các tiêu từ biểu thị tình thái câu khiến trong câu tiếng Việt</i> in trong <i>Những vấn đề ngôn ngữ học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>3- Đào Thanh Lan (2005), <i>Cách biểu hiện hành động câu khiến tiếp bằng câu hỏi - câu khiến</i>, Ngôn ngữ N^o 11.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- John Lyons (1974), <i>Ngữ nghĩa học dân luận</i> - Nguyễn Văn Hiệp dịch (2006), Nxb Giáo dục.</p> <p>2- M.A.K Halliday (1998), <i>Dẫn luận ngữ pháp chức năng</i>, Hoàng Văn Vân dịch (2001), Nxb ĐHQGHN.</p> <p>3- G. Yale (1997, 2002), <i>Dụng học - Một số dẫn luận nghiên cứu ngôn ngữ</i>, Bản dịch Nxb ĐHQGHN.</p> <p>4- David Nunan (1989), <i>Dẫn nhập phân tích diễn ngôn</i>, Bản dịch tiếng Việt của Nxb Giáo dục 1997.</p>
11.	MN11B	Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của câu (Some topics on the grammar and	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Văn Hiệp (2007), <i>Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- John Lyons (1974), <i>Ngữ nghĩa học dân luận</i> - Nguyễn Văn Hiệp dịch (2006), Nxb Giáo dục.</p>

				<p>3- Cao Xuân Hạo (1991), <i>Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>4- Dik S. (1981), <i>Ngữ pháp chức năng</i>, Nxb ĐHQG TPHCM, (Bản dịch do Cao Xuân Hạo hiệu đính năm 2005).</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Cao Xuân Hạo (1998), <i>Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Halliday M. (1985), <i>Dẫn luận ngữ pháp chức năng</i>, Hoàng Văn Vân dịch (2001), Nxb ĐHQGHN.</p>
12.	MN12B	Lí thuyết về phân tích diễn ngôn (Theory of discourse analysis)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Gillian Brown - George Yule (2002), <i>Phân tích diễn ngôn</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>2- Nguyễn Hoà (2005), <i>Phân tích diễn ngôn - Một số vấn đề lí luận và phương pháp</i>, Nxb. ĐHQGHN.</p> <p>3- Đinh Trọng Lạc (1997), <i>Phương cách học văn bản</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- O. L. Moskalskaja (1996), <i>Ngữ pháp văn bản</i>, Trần Ngọc Thêm dịch, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- M.A.K Halliday (2001), <i>Dẫn luận ngữ pháp chức năng</i>, Nxb ĐHQGHN.</p>
13.	MN01C	Phân tích đối chiếu liên ngôn ngữ và liên văn hoá (Cross-linguistic and cross-cultural contrastive analysis)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lê Quang Thiêm (2004), <i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ - Phần 6 (chương XVII: Phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu)</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>2- Lê Quang Thiêm (2005), <i>Văn hoá văn minh và văn hoá truyền thống Hàn, chương 1 đến chương 6</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- <i>Contrastive studies at various levels of linguistic analysis</i> (1996), In <i>Handbook of Contemporary semantic theory</i> (pp.24-105), Edited by Shalom Lappin.</p> <p>2- <i>Cognitive linguistics and contrastive studies</i> (1996), In <i>Handbook of Contemporary semantic theory</i> (pp. 213-243), Edited by Shalom Lappin.</p>
14.	MN02C	Quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy (Language and mind)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Rozdextvenxki (1997), <i>Các bài giảng ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Đinh Văn Đức (1986, 2001), <i>Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại</i>, Nxb ĐH&THCN (1986), Nxb ĐHQGHN (2001).</p> <p>3- Nguyễn Lai (1998), <i>Các bài giảng về ngôn ngữ học đại cương (Ngôn ngữ và tư duy)</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Trần Đức Thảo (2000), <i>Nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức</i>, Nxb Thế giới.</p>

15.	MN03C	Đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ. (Cultural and national characteristics of language)	2	<p>2- Lưu Nhuận Thanh (2005), <i>Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây</i>, Nxb Lao Động.</p> <p>3- R. H. Robins (2003), <i>Lược sử ngôn ngữ học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lý Toàn Thắng (2005), <i>Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>2- Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam</i>, Nxb TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>3- Nguyễn Đức Tồn (2002), <i>Tìm hiểu đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Chomsky N. (1968), <i>Language and Mind</i>, N.Y publ. Harcourt Brace Jovanovich.</p> <p>2- Trần Văn Cơ (2007), <i>Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>3- Nguyễn Văn Khang (1999), <i>Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>4- Lakoff G. & Mark Johnson (1980), <i>Metaphor we live by</i>, Chicago/ London, University of Chicago Press.</p> <p>5- Bùi Đình Mỹ (1974), <i>Bước đầu tìm hiểu về đặc trưng nội dung của ngôn ngữ dân tộc</i>, Ngôn ngữ N^o 2.</p> <p>6- Saussure F.de (1973), <i>Giáo trình ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb. KHXH, Hà Nội.</p>
16.	MN04C	Một số vấn đề hiện nay về ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam (Some current issues on the languages and cultures of ethnic minorities in Vietnam)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Trí Dồi (1999, 2000), <i>Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 301tr.</p> <p>2- Trần Trí Dồi (2001), <i>Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội</i>, Nxb Văn hoá thông tin, 266tr.</p> <p>3- Ferlus M. (1988), <i>Langues et ecritures en Asie du Sud-Est</i>, The 21st ICSTLL, University of Lund, Sweden, 32ppA4.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Vương Toàn (chủ biên) (2002), <i>Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ những năm 90</i>, Viện Thông tin Khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội, 240 tr.</p> <p>2- Phan Ngọc và Phạm Đức Dương (1983), <i>Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á</i>, Viện Đông Nam Á xuất bản, Hà Nội, 351 tr.</p> <p>3- Nguyễn Tài Căn (2001), <i>Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá</i>, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 364 tr.</p>

17.	MN05C	Những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. (Studying the languages and cultures of ethnic minorities in Southeast Asia)	2	<p>a) Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Phạm Đức Dương - Phan Ngọc (1983), <i>Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á</i>, Viện Đông Nam Á xuất bản, Hà Nội.</p> <p>2- Rozdovtvenski. I.U (1997), <i>Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>3- Stephen Oppenheimer (2004), <i>Địa đàng ở phương Đông</i>, Nxb Lao Động, Hà Nội.</p> <p>4- Nguyễn Từ Chi (1996), <i>Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người</i>, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.</p> <p>5- Grant Evans (chủ biên) (2001), <i>Bức khám văn hóa châu Á - tiếp cận nhân học</i>, Nxb Văn hóa dân tộc.</p> <p>6- Phạm Đức Dương (2007), <i>Bức tranh ngôn ngữ và văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b) Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Đào Duy Anh (1975), <i>Chữ Nôm - nguồn gốc- cấu tạo - diễn biến</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>2- Leon Vandermeersch (1992), <i>Thế giới Hán hóa mới</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>3- Hoàng Phê (1961), <i>Vấn đề cái tiền chữ quốc ngữ</i>, Viện văn học, Hà Nội.</p> <p>4- N. Konrat (1996), <i>Phương Đông và phương Tây</i>, Nxb Giáo dục Hà Nội.</p> <p>5- G. Condominas (1997), <i>Không gian xã hội học vùng Đông Nam Á</i>, Nxb Văn hóa, Hà Nội.</p>
18.	MN06C	Một số vấn đề chữ Nôm (Some issues of the Nom scripts)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đào Duy Anh (1975), <i>Chữ Nôm - Nguồn gốc - Cấu tạo - Diễn biến</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 224 pp.</p> <p>2- Nguyễn Tài Căn (1985), <i>Một số vấn đề về chữ Nôm</i>, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội, 286 pp.</p> <p>3- Nguyễn Quang Hồng (2007), <i>Chữ Nôm – văn tự Việt cổ truyền</i>, Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (chưa xuất bản)</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Ngọc San (2003), <i>Lý thuyết văn Nôm chữ Nôm</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội, 576 tr.</p> <p>2- Chu Hữu Quang (1998), <i>Từ giáo văn tự học sơ thám</i>, Nxb Ngữ văn, Bắc Kinh, 443 tr. (周有光. 比較文字學初探. 語文出版社. 1998).</p>
19.	MN07C	Lịch sử ngôn ngữ học ở Việt Nam (History of linguistics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Thiện Giáp (2005), <i>Lược sử Việt ngữ học</i>, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2- Nguyễn Thiện Giáp (2007), <i>Lược sử Việt ngữ học</i>, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>

20.	MN08C	in Vietnam)	2	<p>3- Nguyễn Thiện Giáp (2006), <i>Những lĩnh vực ứng dụng của Việt ngữ học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Kim Thân (1984), <i>Lược sử ngôn ngữ học</i>, tập 1, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội.</p> <p>2- R. H. Robins (2003), <i>Lược sử ngôn ngữ học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Diệp Quang Ban (2005), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- Nguyễn Tài Cẩn (1999), <i>Ngữ pháp tiếng Việt: tiếng, từ ghép, đoạn ngữ</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>3- Nguyễn Tài Cẩn (1995), <i>Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>4- Nguyễn Thiện Giáp (1998), <i>Từ vựng học tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>5- Vũ Đức Nghiệu (2005, 2006), <i>Việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt. Lược sử Việt ngữ học</i>, Nxb. Giáo dục.</p> <p>6- Vũ Đức Nghiệu (2004), <i>Một số điểm cần được nhìn nhận lại trong cấu tạo từ tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N^o 11, tr. 11-22.</p> <p>7- Vũ Đức Nghiệu (2005), <i>Đơn tiết, đơn tiết hóa và đa tiết, đa tiết hóa trong quá trình phát triển của tiếng Việt</i>, Kỷ yếu “Hội thảo quốc tế ngôn ngữ học liên Á lần thứ VI”, Nxb. KHXH; Hà Nội, tr.202-213.</p> <p>8- Vũ Đức Nghiệu (1999), <i>Các đơn vị từ vựng song tiết đẳng lập tiếng Việt trong bối cảnh một số ngôn ngữ Đông Nam Á</i>, Ngôn ngữ N^o 5, tr. 22-34.</p> <p>9- Vũ Đức Nghiệu (1999), <i>Các mức độ tương đồng và tách biệt trong một kiểu tổ chức nhóm từ của tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N^o 1, tr. 22 - 28.</p> <p>10- Nguyễn Văn Tu (1976), <i>Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại</i>. Nxb. ĐH&THCN, Hà Nội.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Vũ Đức Nghiệu (2004), <i>Một số hệ quả của xu thế đơn tiết hóa và đa tiết hóa trong quá trình phát triển của tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N^o 2, tr. 11-20.</p> <p>2- Vũ Đức Nghiệu (1996), <i>Mấy nhận xét văn bản về những từ có nghĩa tương tự nhau và có liên hệ với nhau ở lịch sử âm đầu trong tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N^o 3, tr. 37 - 39.</p> <p>3- Vũ Đức Nghiệu (1991), <i>Về một hiện tượng tạo từ trong tiếng Việt</i>, T/c. Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội N^o 4, tr. 50 - 55.</p> <p>4- Vũ Đức Nghiệu (1990), <i>Về hiện tượng tương tự trong từ vựng tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ</p>
-----	-------	-------------	---	---

21.	MN09C	Cú pháp Mĩ: từ Bloomfield đến Chomsky (Syntactic theory in the United States: from Bloomfield to Chomsky)	2	<p>N^o 1, tr. 54 - 59.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Chomsky N. (1957), <i>Syntactic Structure</i>, The Hague, Mouton.</p> <p>2- Chomsky N. (1965), <i>Aspects of the Theory of Syntax</i>, Cambridge, Mass., MIT Press.</p> <p>3- Matthew P.H (1993), <i>Grammatical theory in the United States from Bloomfield to Chomsky</i>, Cambridge University Press.</p> <p>4- Givón T.(1984, 1989), <i>Syntax, a functional-typological introduction</i>, Volume 1 (1984), Volume 2 (1989), Amsterdam/ Philadelphia: John Benjamins publishing company. Hillsdale, New Jersey: Lawrence Erlbaum Associates Publishers.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Lưu Nhuận Thanh (1998), <i>Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây</i>, Nxb Lao động, (Đào Hà Ninh dịch).</p> <p>2- Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (2001), <i>Đại cương ngôn ngữ học</i>, tập 1, Nxb. Giáo dục.</p>
22.	MN10C	Đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá một số nước Đông Á (Linguistic and cultural characteristics of some East Asia countries)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lê Quang Thiêm (2004), <i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ</i>, Nxb ĐHQGHN, từ tr. 31-69.</p> <p>2- Đỗ Hữu Châu (2001), <i>Đại cương Ngôn ngữ học</i>, tập 2, Nxb Giáo dục, từ tr.255-282.</p> <p>3- Gary B. Palmer (1996), <i>Toward a theory of Cultural Linguistics</i>, Publisher: University of Texas Press, pp 46-109.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Lý Toàn Thắng (2005), <i>Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>2- Trần Ngọc Thêm (1999), <i>Ngữ dụng học và Văn hóa – Ngôn ngữ học</i>, TC. Ngôn ngữ số 4.</p> <p>3- Lý Toàn Thắng (1999), <i>Giới thiệu giả thuyết “Tinh tương đối của ngôn ngữ” của Sapir - Whorf</i>, Ngôn ngữ N^o 15/2001, tr. 23-31.</p> <p>4- Nhiều tác giả, <i>A comparative study of Communication Style among Japanese, American and Chinese: toward an understanding of Intercultural friction</i>. http://www.coe-sun.kuis.ac.jp/coe/public/paper/kuis/kume3.pdf (có thể thay đổi, cập nhật thông tin mới).</p> <p>5- Xinke Tian (2006), <i>On Specificity of Politeness-Contrastive Study of Western and Chinese Concept of Politeness</i>, Sino-US English, Vol 3, No.2.</p>
23.	MN11C	Lí thuyết cấu trúc	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p>

		thông tin của câu (Information structure of sentences)		<p>1- Lý Toàn Thắng (1981), <i>Giới thiệu lí thuyết phân đoạn thực tại câu</i>, Ngôn ngữ N^o 1.</p> <p>2- Nguyễn Hồng Côn (2001), <i>Bàn thêm về cấu trúc thông báo của câu</i>, Ngôn ngữ N^o 5.</p> <p>3- Dik S. C. (2005), <i>Ngữ pháp chức năng</i>, Nxb Tp HCM.</p> <p>4- Halliday M.A.K (2001), <i>Ngữ pháp chức năng</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Cao Xuân Hạo (1991), <i>Sơ thảo Ngữ pháp chức năng</i>, Nxb KHXH.</p> <p>2- Lambrecht, K. (1994) <i>Information Structure and Sentence Form</i>, Cambridge University Press.</p>
24.	MN12C	Phong cách học văn bản (Text stylistics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đinh Trọng Lạc (1994), <i>Phong cách học Văn bản</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2- G. Brown – G. Yule (2002), <i>Phân tích diễn ngôn</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>3- Hữu Đạt (2002), <i>Phong cách học với việc dạy và lý luận phê bình văn học</i>, Nxb Hà Nội.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Hữu Đạt (1996), <i>Đặc điểm ngôn ngữ thơ và ca dao (dưới góc độ giao tiếp)</i>, Ngôn ngữ N^o 4.</p> <p>2- Tzvetan Todorov (2004), <i>Thi pháp văn xuôi</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p>3- Nguyễn Thái Hoà (2000), <i>Những vấn đề thi pháp của truyện</i>, Nxb Giáo dục.</p>
25.	MN13C	Một số vấn đề thời sự của Ngôn ngữ học tri nhận (Some current issues in cognitive linguistics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lý Toàn Thắng (2005), <i>Ngôn ngữ học tri nhận – Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i>, Nxb KHXH.</p> <p>2- Ungerer & Schmid (1996), <i>An introduction to cognitive linguistics</i>, London: Longman</p> <p>3- Lee (2002), <i>Cognitive linguistics. An introduction</i>, Oxford University Press</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Trần Văn Cơ (2007), <i>Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)</i>, Nxb KHXH.</p> <p>2- Nguyễn Đức Tồn (2002), <i>Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ văn hoá của tư duy người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)</i>, Nxb ĐHQGHN.</p>
26.	MN14C	Một số vấn đề hiện đại của Ngôn ngữ học nhân học (Some current issues of anthropological linguistics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Ben Jamin Whorf (2006), <i>Mối quan hệ giữa tư duy và hành vi thông lệ với ngôn ngữ</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.11-33.</p> <p>2- Dell Hymes (2006), <i>Khảo tả dân tộc học lời nói</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.143-182.</p>

			<p>3- Michelle Rosaldo (2006), <i>Những việc chúng ta thực hiện bằng ngôn từ: Những hành động lời nói của người Ilongot và lý thuyết hành động ngôn từ trong triết học</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.104-142.</p> <p>4- Brown & Levinson (2006), <i>Lịch sự: một vài phổ niệm trong dụng ngôn</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.250-312.</p> <p>5- Peter Trudgill (2006), <i>Giới tính, uy tín chìm, và sự biến động ngôn ngữ trong phương ngữ đô thị vùng Norwich</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.207-223.</p> <p>6- Chu Văn Tuấn (2000), <i>Nhân loại ngôn ngữ học luận đề nghiên cứu</i> (bản dịch <i>Nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhân học ngôn ngữ</i> của Vi Trường Phúc, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Văn Khang (hiệu đính)), Nxb ĐH Ngôn ngữ văn hoá Bắc Kinh.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Labov (2006), <i>Nghiên cứu ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.183-206.</p> <p>2- John Lucy (2006), <i>Phạm vi vấn đề tình tương đối ngôn ngữ: Phân tích và đánh giá những nghiên cứu thực nghiệm</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.54-87.</p> <p>3- Brown & Gilman (2006), <i>Đại từ chỉ quyền lực và thân hữu</i> in trong <i>Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành</i>, Nxb Thế giới, tr.224-249.</p> <p>4- Lương Văn Hy (2000), <i>Ngôn từ, giới từ và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p>
27.	MN15C	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Trí Dõi (2004), <i>Thực trạng giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc miền núi ba tỉnh phía bắc Việt Nam những kiến nghị và giải pháp</i>, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 286 tr.</p> <p>2- Trần Trí Dõi - Nguyễn Văn Lộc (2006), <i>Thực trạng sử dụng ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số và vấn đề đặt ra cho giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường ở Việt Bắc</i>, Nxb Giáo dục Hà Nội, Hà Nội, 216 tr.</p> <p>3- Nguyễn Văn Khang (2006), <i>Một số vấn đề về “cái chết của ngôn ngữ” trong thời đại ngày nay</i>, <i>Ngôn ngữ</i> N^o 8 (207)/2006, tr. 1 - 12.</p> <p>4- Viện Ngôn ngữ học (1993), <i>Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 325 tr.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Văn Khang (2003), <i>Kế hoạch hoá ngôn ngữ</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 498 tr.</p>

28.	MN16N	Đặc trưng ngôn ngữ trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt (Linguistic characteristics of Vietnamese idioms and proverbs)	2	<p>2- Viện Khoa học xã hội tại t.p Hồ Chí Minh (1993), <i>Giáo dục ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số phía Nam</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 378 tr.</p> <p>3- Viện Ngôn ngữ học (1997), <i>Cánh hướng và chính sách ngôn ngữ ở quốc gia đa dân tộc</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 219 tr.</p> <p>4- Nanette Gottlieb and Ping Chen (2001), <i>Language planning and language policy East Asian perspectives</i>, Curzon Press, 210 pp.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đỗ Thị Kim Liên (2006), <i>Tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa - ngữ dụng</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> <p>2- Hoàng Văn Hành (2004), <i>Thành ngữ học tiếng Việt</i>, Nxb KHXH.</p> <p>3- Phan Ngọc (2000), <i>Thử xét văn hoá - văn học bằng ngôn ngữ học</i>, Nxb Thanh niên, Hà Nội.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Xuân Kính (1991), <i>Kho tàng ca dao người Việt</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>2- Hoàng Văn Hành (2002), <i>Kể chuyện thành ngữ - tục ngữ</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>3- Nguyễn Thái Hoà (1997), <i>Tục ngữ Việt Nam - Cấu trúc và thi pháp</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>4- Mã Giang Lân (2002), <i>Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
29.	MN17N	Thảo luận những nội dung cơ bản của ngữ âm tiếng Việt (Seminar on basic topics of Vietnamese phonetics)	2	<p>a, Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đoàn Thiện Thuật (1977), <i>Ngữ âm tiếng Việt</i>, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội, 352 tr.</p> <p>2- Trần Trí Dõi (2006), <i>Thử giải thích hiện tượng có năm thanh điệu trong một vài phương ngữ Việt</i>, Ngôn ngữ N^o 8 (207)/2006, tr. 13 - 21.</p> <p>3- Hoàng Cao Cương (1986), <i>Suy nghĩ thêm về thanh điệu tiếng Việt</i>, Ngôn ngữ N^o 3, tr. 19 - 38.</p> <p>b, Tài liệu tham khảo thêm:</p> <p>1- Nguyễn Văn Phúc (2006), <i>Ngữ âm tiếng Việt thực hành</i>, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 259 tr.</p> <p>2- Cao Xuân Hạo (1998), <i>Phân thứ nhất: ngữ âm trong Tiếng Việt máy văn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa</i>, Nxb Giáo dục, tr. 17 - 172.</p> <p>3- Alexis Michaud - Vũ Ngọc Tuấn (2007), <i>Các thanh điệu thanh hầu hoá và phi thanh hầu hoá dưới tác dụng của sự nhấn âm: các giá trị hệ số mở tiền đàn đến đến cực đại</i>, Ngôn ngữ N^o 2(213)/2007, tr. 46 - 52.</p> <p>a, Tài liệu bắt buộc:</p>
30.	MN18N	Những vấn đề cơ bản	2	

		về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (Some basic issues of Vietnamese lexical semantics)		1- Nguyễn Thiện Giáp (1985, 2006), <i>Từ vựng học tiếng Việt</i> , Nxb ĐH&THCN, Hà Nội, 1985, Nxb Giáo dục tái bản lần thứ 6 năm 2006. 2- Nguyễn Thiện Giáp (1996), <i>Từ và nhận diện từ tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội. b, Tài liệu tham khảo thêm: 1- Nguyễn Văn Tu (1976), <i>Từ và vốn từ tiếng Việt</i> , Nxb ĐH&THCN, Hà Nội. 2- Đỗ Hữu Châu (1991), <i>Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31.	MN19N	Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt (Some basic issues of Vietnamese grammar)	2	a, Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Tài Cẩn (1975, 1995, 1999), <i>Ngữ pháp tiếng Việt, tiếng - từ ghép - đoàn ngữ</i> , Nxb ĐH&THCN (1975), Nxb ĐHQGHN (1995, 1999). 2- Đinh Văn Đức (1986, 2001), <i>Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại</i> , Nxb ĐH&THCN (1986), Nxb ĐHQGHN (2001). 3- Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), <i>Thành phần câu tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục. 4- Ủy ban KH&HVN (1983, 2001), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , Nxb KHXH. b, Tài liệu tham khảo thêm: 1- Diệp Quang Ban (2006), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục. 2- Cao Xuân Hạo (1991, 2005), <i>Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng</i> , Nxb Giáo dục.
32.	MN20N	Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ văn học Việt Nam (Literary language and Vietnamese literary language)	2	a, Tài liệu bắt buộc: 1- Đinh Văn Đức (2005), <i>Các bài giảng lịch sử tiếng Việt thế kỉ XX</i> , Nxb ĐHQGHN. 2- Nguyễn Ngọc San (2005), <i>Tìm hiểu lịch sử tiếng Việt</i> , Nxb ĐHSP Hà Nội. b, Tài liệu tham khảo thêm: 1- Nguyễn Lộc (1976), <i>Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX</i> , Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, 356tr. 2- Phan Cự Đệ (chủ biên) (2004), <i>Lịch sử văn học Việt Nam thế kỉ XX</i> , Nxb Giáo dục.

2.4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Thứ tự	Mã môn học	Tên môn học (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Học hàm Học vị	Chuyên ngành	Cơ quan làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1.	MN01B	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ (Methodology and research method of linguistics)	2	Nguyễn Thiện Giáp	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
2.	MN02B	Các phương pháp của ngữ nghĩa học (Research methods of semantics)	2	Lê Quang Thiêm	GS. TS	NNH	Trường ĐH KHXH&NV
3.	MN03B	Các phương pháp phân tích ngữ pháp (Methods of grammatical analysis)	2	Đình Văn Đức	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
4.	MN04B	Phương pháp nghiên cứu so sánh - lịch sử (Method of historical comparative linguistics)	2	1. Trần Trí Dõi 2. Hoàng Thị Châu	GS. TS. GS. TS.	NNH NNH	Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV
5.	MN05B	Những vấn đề hiện đại của Ngôn ngữ học xã hội (Current issues of sociolinguistics)	2	Nguyễn Văn Khang	GS. TS	NNH	Viện Ngôn ngữ học
6.	MN06B	Một số vấn đề về loại hình học và phổ niệm ngôn ngữ (Topics in linguistic typology and universals)	2	Nguyễn Hồng Côn	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
7.	MN07B	Các phương pháp của ngữ âm học và âm vị học (Methods of phonetics and phonology)	2	1. Hoàng Cao Cương 2. Đoàn Thiện Thuật	TS GS. TS	NNH NNH	Viện Ngôn ngữ học Trường ĐHKHXH&NV
8.	MN08B	Một số vấn đề hiện đại của Ngữ dụng học (Some current issues of Pragmatics)	2	Lê Đông	TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
9.	MN09B	Ngôn ngữ nghệ thuật dưới góc độ ngôn ngữ học (Studying poetry language from the linguistics view)	2	1. Nguyễn Hữu Đạt 2. Hoàng Trọng Phiến	PGS. TS GS. TS	NNH NNH	Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV
10.	MN10B	Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời (Some topics on the grammar and semantics of utterances)	2	Đào Thanh Lan	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
11.	MN11B	Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của câu (Some topics on the grammar and semantics of sentences)	2	Nguyễn Văn Hiệp	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
12.	MN12B	Lý thuyết về phân tích diễn ngôn (Theory of discourse analysis)	2	1. Nguyễn Thị Việt Thanh 2. Diệp Quang Ban	PGS. TS GS. TS	NNH NNH	ĐHQG Hà Nội Trường ĐHSP Hà Nội
13.	MN01C	Phân tích đối chiếu liên ngôn ngữ và liên văn hoá (Cross-linguistic and cross-	2	Lê Quang Thiêm	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV

		cultural contrastive analysis)						
14.	MN02C	Quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy (Language and mind)	2	Đinh Văn Đức	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	
15.	MN03C	Đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ (Cultural and national characteristics of language)	2	Nguyễn Đức Tồn	PGS. TS	NNH	Viện Ngôn ngữ học	
16.	MN04C	Một số vấn đề hiện nay về ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam (Some current issues on the languages and cultures of ethnic minorities in Vietnam)	2	1. Trần Trí Dõi 2. Vương Toàn 3. Nguyễn Văn Hiệu	GS. TS. PGS. TS TS	NNH NNH NNH	Trường ĐH KHXH&NV Viên Thông tin KHXHVN Trường ĐH KHXH&NV	
17.	MN05C	Những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á (Studying the languages and cultures of ethnic minorities in Southeast Asia)	2	Phạm Đức Dương	GS. TS	NNH	Viện nghiên cứu văn hóa Phương Đông	
18.	MN06C	Một số vấn đề chữ Nôm (Some issues of the Nom scripts)	2	1. Nguyễn Quang Hồng 2. Vương Lộc	GS.TSKH PGS	NNH& HN NNH	Viện Hán Nôm TT Từ điển Bách khoa VN	
19.	MN07C	Lịch sử ngôn ngữ học ở Việt Nam (History of linguistics in Vietnam)	2	Nguyễn Thiện Giáp	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	
20.	MN08C	Cấu tạo từ tiếng Việt: Bình diện đồng đại và lịch đại (The formation of Vietnamese words from synchronical and diachronical views)	2	Vũ Đức Nghiệu	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	
21.	MN9C	Cú pháp Mĩ: từ Bloomfield đến Chomsky (Syntactic theory in the United States: from Bloomfield to Chomsky)	2	Nguyễn Văn Hiệp	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	
22.	MN10C	Đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá một số nước Đông Á (Linguistic and cultural characteristics of some East Asia countries)	2	Hoàng Anh Thi	TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	
23.	MN11C	Lí thuyết cấu trúc thông tin của câu (Information structure of sentences)	2	Nguyễn Hồng Côn	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	
24.	MN12C	Phong cách học văn bản	2	1. Nguyễn Hữu Đạt	PGS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV	

	(Text stylistics)		2. Hoàng Trọng Phiến	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
25.	MN13C Một số vấn đề thời sự của Ngôn ngữ học tri nhận (Some current issues in cognitive linguistics)	2	1. Lý Toàn Thắng 2. Nguyễn Văn Hiệp	GS. TSKH PGS. TS	NNH NNH	Viện Ngôn ngữ học Trường ĐHKHXH&NV
26.	MN14C Một số vấn đề hiện đại của Ngôn ngữ học nhân học (Some current issues of anthropological linguistics)	2	Vũ Thị Thanh Hương	PGS. TS	NNH	Viện Ngôn ngữ học
27.	MN15C Thảo luận về những chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ trên địa bàn dân tộc thiểu số Việt Nam (Research seminar on the language policy and language education for ethnic minorities in Vietnam)	2	1. Trần Trí Dõi 2. Vương Toàn 3. Nguyễn Văn Hiệu	GS. TS. PGS. TS TS	NNH NNH NNH	Trường ĐH KHXH&NV Viện Thông tin KHXHVN Trường ĐH KHXH&NV
28.	MN16N Đặc trưng ngôn ngữ trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt (Linguistic characteristics of Vietnamese idioms and proverbs)	2	1. Đỗ Thị Kim Liên 2. Nguyễn Xuân Kính	GS. TS GS. TS	NNH VH	Trường ĐH Vinh Viện Văn hoá dân gian
29.	MN17N Thảo luận những nội dung cơ bản của ngữ âm tiếng Việt (Seminar on basic topics of Vietnamese phonetics)	2	1. Trần Trí Dõi 2. Mai Ngọc Chừ 3. Nguyễn Văn Phúc	GS. TS GS. TS TS	NNH NNH NNH	Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV
30.	MN18N Những vấn đề cơ bản về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (Some basic issues of Vietnamese grammar)	2	1. Nguyễn Thiện Giáp 2. Vũ Đức Nghiệu	GS. TS PGS. TS	NNH NNH	Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV
31.	MN19N Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt (Some basic issues of Vietnamese grammar)	2	Đình Văn Đức	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV
32.	MN20N Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ văn học Việt Nam (Literary language and Vietnamese literary language)	2	Đình Văn Đức	GS. TS	NNH	Trường ĐHKHXH&NV

Khung chương trình theo hệ tín chỉ này được xây dựng trên cơ sở chương trình đã được Hội đồng nghiệm thu Trường ĐHKHXH & NV (QĐ số 2919/QĐ/XHNV – KH&SDH ngày 28 tháng 12 năm 2006) họp ngày 12 tháng 01 năm 2007 biểu quyết thông qua.

Hội đồng Khoa học khoa Ngôn ngữ học và Nhóm chuyên gia chuyển đổi chương trình đào tạo Sau đại học ngành Ngôn ngữ học sang hệ thống tín chỉ (QĐ số 29/QĐ/XHNV – KH&SDH ngày 05/02/2007) đã thông qua trong buổi họp ngày 28 tháng 8 năm 2007.

Hội đồng thẩm định cấp Đại học Quốc gia Hà Nội đã thẩm định ngày 18 tháng 09 năm 2007 và Giám đốc Đại học Quốc gia ban hành theo QĐ số 3967 / SDH ngày 23 tháng 10 năm 2007.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ (THEO TÍN CHỈ)

Chuyên ngành: ***NGÔN NGỮ HỌC (LINGUISTICS)***

MÃ SỐ: 60 22 01

Ngành: ***NGÔN NGỮ HỌC (LINGUISTICS)***

Hà Nội 2007